

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	:ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO	:SƯ PHẠM LỊCH SỬ
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO	:7140218
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	:CHÍNH QUY

HUẾ - 2018

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo quyết định số 2429/QĐ-ĐHSP ngày 05/9/2018)

Tên chương trình : **Chương trình dạy học ngành Sư phạm Lịch sử**

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Sư phạm Lịch sử

History Teacher Education

Loại hình đào tạo : Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp, tham gia vào sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; đồng thời có thể tiếp tục học lên bậc cao hơn và tự học để nâng cao trình độ và năng lực làm việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Yêu cầu về kiến thức

MT1: Những kiến thức chung về lý luận chính trị, tâm lý, giáo dục học, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và truyền thông.

MT2: Hệ thống kiến thức cơ bản, nâng cao, toàn diện về lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và lịch sử thế giới; nhận thức có tính hệ thống về sự kết nối giữa lịch sử dân tộc, khu vực và lịch sử thế giới, tác động của điều kiện địa lý đối với các sự kiện, hiện tượng và quá trình lịch sử.

MT3: Hệ thống kiến thức về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở trường Trung học phổ thông.

b. Yêu cầu về kỹ năng

* Kỹ năng cứng:

MT4: Kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học;

MT5: Kỹ năng và thực hành các hoạt động dạy học trong môn Lịch sử.

MT6: Kỹ năng kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Lịch sử.

MT7: Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học độc lập trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Nhân văn.

* Kỹ năng mềm:

MT8: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong nghiên cứu và dạy học môn Lịch sử.

MT9: Kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Lịch sử.

MT10: Kỹ năng tư vấn, tham vấn giáo dục; kỹ năng xây dựng các mối quan hệ trong nhà trường và xã hội; ...

MT11: Kỹ năng hoạt động xã hội, đoàn thành niên.

c. Yêu cầu về phẩm chất đạo đức

MT12: Thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; Có phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo; Yêu nghề, yêu học sinh, nhiệt tình trong công tác; Tác phong chuyên nghiệp, thể hiện tác phong mẫu mực của người giáo viên.

MT13: Kiên trì, có ý thức trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tự tin, chủ động, linh hoạt, say mê công việc.

MT14: Có ý thức về an ninh quốc phòng toàn dân, thể hiện lập trường vững vàng và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn kiến thức chung toàn Đại học Huế

Có kiến thức về Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng và nắm vững kiến thức cơ sở về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ (B1 hoặc tương đương) trong giao tiếp thông thường.

2.2. Chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

2.2.1. Kiến thức

Nắm vững được kiến thức cơ bản về ngành được đào tạo; thể hiện được nội dung ngành học theo nhiều cách tiếp cận khác nhau; tích hợp được kiến thức mang tính liên ngành trong dạy học.

2.2.2. Kỹ năng

Lập và quản lý được kế hoạch dạy học và giáo dục dựa trên kiến thức nội dung môn học, người học, cộng đồng và mục tiêu của chương trình.

Áp dụng được các thành tựu của khoa học công nghệ trong giáo dục; Sử dụng được các phương pháp dạy học khác nhau để khuyến khích sự phát triển tư duy, giải quyết vấn đề và các kỹ năng thể hiện của người học.

Hiểu và sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau đảm bảo yêu cầu công khai, công bằng, khách quan, chính xác, toàn diện và phát triển năng lực tự đánh giá của người học; sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh quá trình dạy và học.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thể hiện được các phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống mẫu mực của người giáo viên. Vận dụng được đường lối, chủ trương, chính sách của nhà nước

vào tình hình công tác cụ thể.

Tạo môi trường học tập tương tác trên cơ sở hiểu biết động cơ và hành vi của cá nhân và nhóm, khuyến khích người học chủ động trong học tập và tự tạo động cơ học tập.

Thúc đẩy các mối quan hệ với đồng nghiệp, phụ huynh người học và các cơ quan đoàn thể ở địa phương để hỗ trợ việc học tập của người học.

Có khả năng tìm kiếm và đảm nhận các công việc trong ngành giáo dục và các ngành liên quan phù hợp.

2.3. Chuẩn đầu ra của ngành Sư phạm Lịch sử

2.3.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có khả năng:

- Kiến thức chung:

C1. Hiểu và vận dụng những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh;

C2. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của Tâm lý học, Giáo dục học và quản lý nhà trường vào việc tổ chức dạy học Lịch sử và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

C3. Sử dụng được trình độ tiếng Anh B1 hoặc ngoại ngữ khác tương đương.

C4. Sử dụng thành thạo máy tính trong quá trình học tập, nghiên cứu và dạy học.

** Kiến thức chuyên môn*

C5. Hiểu biết sâu rộng về hệ thống kiến thức cơ bản và nâng cao, toàn diện, hiện đại về lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử thế giới.

C6. Hiểu và vận dụng tốt các vấn đề lý luận và phương pháp dạy học môn Lịch sử.

C7. Nắm vững và vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình môn Lịch sử hiệu quả.

2.3.2. Về kỹ năng

** Kỹ năng chung*

C8. Thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

C9. Tìm hiểu người học, môi trường giáo dục và cơ sở giáo dục.

** Kỹ năng chuyên môn*

C10. Vận dụng tri thức, kinh nghiệm lịch sử trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học và trong hoạt động xã hội

C11. Lập kế hoạch và triển khai hoạt động dạy học; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm cho học sinh; ...

2.3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C12. Thực hiện đúng các quy định của Trường, Khoa và quy chế dân chủ trong cơ quan; tôn trọng bạn học và giảng viên. Tự học, tự nghiên cứu và làm việc độc lập; có khả năng quản lý, hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả; trình bày, thuyết trình trước nhóm, lớp; tự tin thể hiện bản thân.

C13. Cập nhật phát triển năng lực cá nhân về các vấn đề thuộc lĩnh vực Lịch sử và dạy học Lịch sử. Xây dựng, tham gia các nhóm nghiên cứu Sử học và khoa học giáo dục trong dạy học Lịch sử.

C14. Thể hiện ý thức trách nhiệm công dân, nhà giáo và nghề nghiệp của bản thân. Có năng lực tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau liên quan đến chuyên ngành Lịch sử và giáo dục học sinh

C15. Rèn luyện năng lực tự học, tự đào tạo, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiếp tục học lên bậc sau đại học trong và ngoài nước, có kế hoạch học tập suốt đời và có khả năng thích ứng tốt trong các ngành nghề khác nhau của xã hội.

2.4. Cơ hội việc làm

- Làm công tác giảng dạy lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học...

- Làm công tác nghiên cứu ở tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, đặc biệt về lĩnh vực Sử học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử;

- Làm công tác quản lý tư liệu lịch sử, quản lý bảo tàng, di tích lịch sử...

- Làm công tác lịch sử, văn hoá ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội;

- Làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối Khoa học xã hội và nhân văn.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

- Tiếp tục học và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Lịch sử và một số chuyên ngành liên quan đến lịch sử như: Việt Nam học, Đông Phương học, Quan hệ Quốc tế, Chính trị học...

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 TC (khung chương không thay đổi)
(không kể khối kiến thức Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- **Khối kiến thức chung: 21 tín chỉ**

- **Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: 34 tín chỉ**

Kiến thức cơ sở chung: 14 tín chỉ

Thực hành sư phạm: 12 tín chỉ

Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành: 8 tín chỉ

- **Khối kiến thức chuyên ngành: 75 tín chỉ**

Kiến thức cơ sở của ngành: 9 tín chỉ

Kiến thức chuyên sâu của ngành: 66 tín chỉ. Trong đó: Bắt buộc: 58 tín chỉ, tự chọn: 8 tín chỉ

- **Khoá luận hoặc các học phần thay thế: 5 tín chỉ**

4. Nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
A.	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			
1.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Khái lược về quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin - Chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vấn đề cơ bản của triết học, chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, các hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử; quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức - Phép biện chứng duy vật: Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng; hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng; sáu cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng, ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức - Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Vai trò sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội; học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội; quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo của quần chúng dân	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kì: 30% (2 bài) - Bài 1: Viết - Bài 2: Viết - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận
2.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: Học thuyết giá trị (Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa; Hàng hóa; Tiền tệ; Quy luật giá trị); Học thuyết giá trị thặng dư (Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản; Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản; Tiền công trong chủ nghĩa tư bản; Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản – Tích lũy tư bản; Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư; Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư); Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (chủ nghĩa tư bản độc quyền; Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa	3	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kì: 30% (2 bài) - Bài 1: Viết - Bài 2: Viết - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		tư bản hiện đại; Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản). - Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa (Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa); Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa (Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo); Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng (Chủ nghĩa xã hội hiện thực; Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội xô viết và nguyên nhân của nó; Triển vọng của chủ nghĩa xã hội).		
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nội dung học phần gồm 8 chương: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh (Chương 1); Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (Chương 2). Từ chương 3 đến chương 8 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc (Chương 3); về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (Chương 4); về Đảng Cộng sản Việt Nam (Chương 5); về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế (Chương 6); về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân (Chương 7) và văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới (Chương 8).	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kỳ: 30% (2 bài) Bài 1: Viết Bài 2: Viết - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung học phần được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương. Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; Đường lối công nghiệp hóa, xây dựng	3	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kỳ: 30% (2 bài) Bài 1: Viết Bài 2: Viết

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng chính trị, văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.		- Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận
5.	Tin học	Học phần được chia làm 4 phần lớn giới thiệu về những kiến thức đại cương của môn Tin học, giúp người học nắm các kiến thức cơ bản về máy tính, biết ứng dụng để khai thác và bảo trì máy tính, soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và sử dụng các tài nguyên mạng phục vụ cho cuộc sống, học tập và công việc một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Cụ thể: Chương 1: Căn bản về máy tính; Chương 2: Soạn thảo văn bản với MS Word; Chương 3: Xử lý bảng tính với MS Excel; Chương 4: Mạng máy tính và Internet.	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 50%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kì: 40% (3 bài) Bài 1: Thực hành Bài 2: Bài tập nhóm Bài 3: Thực hành - Thi kết thúc học phần (trọng số 50%): Thực hành
6.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần trang bị cho người học cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học Địa lý riêng. Nội dung của học phần bao gồm 5 vấn đề cơ bản: Đại cương về khoa học và nghiên cứu khoa học; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Một số phương pháp nghiên cứu trong khoa học Địa lý; Quy trình tổ chức thực hiện đề tài; Đạo đức khoa học.	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 5% + Bài tập: 10 % + Seminar: 5% + Bài kiểm tra định kì: 20% (2 bài) Bài 1: Viết Bài 2: Viết - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận
B.	KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM			
I.	Kiến thức cơ sở chung			
7.	Tâm lý học 1	Tâm lý học 1 là môn học nghiên cứu các hiện tượng tâm lý chung nhất	2	- Đánh giá quá trình

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		của con người; đề cập đến những hiện tượng tâm lý bên trong của đời sống tinh thần ở con người, khó có thể quan sát, đo đếm trực tiếp. Học xong môn học này, người học có thể nắm bắt được những hiện tượng tâm lý cơ bản của con người, các quy luật nảy sinh, hình thành và biểu hiện của các hiện tượng tâm lý đó; những hiện tượng gắn liền với mọi hoạt động của con người. Vì thế đòi hỏi người học phải có khả năng thể nghiệm và khả năng quan sát các biểu hiện bên ngoài của con người để hiểu đời sống tâm lý bên trong của họ. Đồng thời tâm lý học 1 cũng cung cấp các kiến thức làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu các chuyên ngành của các khoa học tâm lý cũng như các môn học có liên quan.		(trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kì: 30% (2 bài) Bài 1: Viết Bài 2: Viết - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận
8.	Tâm lý học 2	Tâm lý học 2 là môn học nghiên cứu đặc điểm tâm lý của học sinh và đặc điểm tâm lý hoạt động sư phạm bao gồm 5 chương. Chương 1: Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Chương 2: Tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học cơ sở (thiếu niên); Chương 3: Tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông (Thanh niên mới lớn); Chương 4: Tâm lý học dạy học và Chương 5: Tâm lý học người giáo viên. Ngoài ra học phần này còn một số bài tập thực hành giúp người học vận dụng kiến thức đã học để phân tích, lý giải về tâm lý học sinh cũng như tâm lý của dạy học.	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kì: 30% (2 bài) Bài 1: Viết Bài 2: Viết - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận
9.	Giáo dục học 1	Nội dung chính của học phần Giáo dục học 1 bao gồm hai khối kiến thức chủ yếu về những vấn đề chung của Giáo dục học nhằm cung cấp cho sinh viên sư phạm hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục, Giáo dục học, làm cơ sở khoa học chung cho việc nghiên cứu Giáo dục học và khối kiến thức về lý luận dạy học và lý luận giáo dục.	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kì: 30% (2 bài) Bài 1: Trắc nghiệm Bài 2: Viết - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
10.	Giáo dục học 2	Trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng, thái độ về nghề GV. Qua đó giúp SV hiểu biết về nghề, hình thành và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, phát triển ở SV hệ thống kỹ năng, năng lực sư phạm và đạo đức nghề nghiệp để tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục ở nhà trường phổ thông. Nội dung học phần gồm 4 vấn đề chủ yếu: Nhà trường phổ thông trung học; Người GV phổ thông trung học; Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông trung học; Đánh giá trong giáo dục.	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra định kì: 30% (2 bài) Bài 1: Tự luận Bài 2: Đóng vai - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận
11.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm sáng tạo như khái niệm về hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, các hình thức trải nghiệm sáng tạo và các phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Bên cạnh đó SV sẽ tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Qua học tập môn học này, SV biết vận dụng kiến thức, kỹ năng để tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh ở các trường phổ thông.	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 50%) + Chuyên cần: 10% + Bài kiểm tra giữa học phần (20%) Bài 1: Viết Bài 2: Viết + Điểm phần thực hành (20%) - Thi kết thúc học phần (trọng số 50%): Tự luận
12.	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	Trình bày mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung và phương thức để phát triển chương trình dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông.	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Kiểm tra giữa học kì hoặc bài tập lớn (30%) Kiểm tra giữa học kì Bài 1: vấn đáp Bài 2: viết Hoặc Bài tập lớn

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				- Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận hoặc tiểu luận
13.	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Trang bị cho SV những vấn đề lý luận về kiểm tra đánh giá, khái quát về kiểm tra đánh giá; kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; những định hướng đổi mới kiểm tra đánh giá; quy trình biên soạn câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh...	2	- Đánh giá quá trình (trọng số 40%) + Chuyên cần: 10% + Kiểm tra giữa học kì hoặc bài tập lớn (30%) Kiểm tra giữa học kì Bài 1: viết Bài 2: viết hoặc Bài tập lớn - Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): Tự luận hoặc tiểu luận
II.	Thực hành sự phạm			
14.	Rèn luyện NVSP thường xuyên	Trang bị cho SV những vấn đề lý luận về rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; rèn luyện kỹ năng diễn đạt nói, diễn đạt viết; kỹ năng sử dụng bảng đen; kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học và tư liệu giảng dạy, tổ chức sinh hoạt cho học sinh; kỹ năng thiết kế bài giảng điện tử, khai thác tài liệu trên Internet và sử dụng một số phần mềm trong dạy học lịch sử...	3	Điểm phần thực hành (100%) - Chuyên cần (10%) - Bài tập cá nhân (20%) - Seminar (20%). - Các bài thực hành: Thực hành số 1 Thực hành số 2 Thực hành số 3
15.	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Rèn luyện cho học sinh kỹ năng nghề nghiệp sư phạm như: kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm, kỹ năng tổ chức hoạt động học	2	- Chuyên cần (10%) - Các bài thực hành (90%)

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		động ngoại khóa, thực hành giảng dạy... trong nhà trường phổ thông (lý thuyết, thực hành, ôn tập...).		
16.	Kiến tập sư phạm	SV được phân bổ về dự giờ kiến tập công tác giảng dạy và chủ nhiệm tại trường thực tập để làm quen với môi trường sư phạm, vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu tình hình trường thực tập, củng cố và lĩnh hội sâu sắc hơn những kiến thức này, bước đầu biết thực hiện một số hoạt động của người giáo viên, có điều kiện học tốt hơn các học phần về nghiệp vụ sư phạm, chuẩn bị tốt cho học phần TTSP. Theo nội dung và kế hoạch chung của toàn trường.	2	Thực hiện theo Quy định về Thực tập sư phạm, ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP
17.	Thực tập sư phạm	SV tìm hiểu thực tế tình hình dạy và học ở trường thực tập, thực tập giảng dạy và thực tập chủ nhiệm theo nội dung và kế hoạch chung của trường.	5	Thực hiện theo Quy định về Thực tập sư phạm, ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP
III.	Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành			
18.	Lý luận dạy học lịch sử	Trang bị cho SV những hiểu biết cơ bản về phương pháp dạy học lịch sử; quá trình phát triển của phương pháp dạy học và bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông; chương trình và sách giáo khoa môn Lịch sử ở trường phổ thông, con đường hình thành tri thức lịch sử cho học sinh ở trường phổ thông.	3	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
19.	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử	Hệ thống kiến thức cơ bản về các phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát huy năng lực học tập của học sinh (trình bày miệng, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng tài liệu...); kỹ năng sử dụng hệ thống phương pháp dạy học lịch sử phù hợp với nội dung và đối tượng học tập. Những vấn đề lý luận về hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường phổ thông (bài nội khóa và hoạt động ngoại khóa). Quá trình chuẩn bị, soạn giáo án và thực hiện bài giảng ở trên lớp theo hướng phát huy năng lực nhận thức học sinh; kỹ năng phân tích nội dung bài trong sách giáo khoa, thiết kế mục tiêu, lựa chọn kiến thức cơ bản, trọng tâm của bài giảng. Tổ chức bài giảng theo hướng phát huy năng lực nhận thức học sinh. Vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với nội dung và đối tượng dạy học. Cách thức tổ chức các hoạt động ngoại khóa lịch sử ở trường phổ thông...	3	- Điểm quá trình có trọng số 40%: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài, thảo luận); Kiểm tra học trình (1 Bài kiểm tra học trình và 1 Bài tập theo nhóm) - Thi cuối học kỳ: Thi viết hoặc vấn đáp, trọng số 60%. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
20.	Tích hợp và phân hóa trong dạy học lịch sử	Trang bị cho SV những vấn đề lý luận về tích hợp và phân hóa trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; các nguyên tắc tích hợp và phân hóa, nội dung tích hợp, phân hóa trong dạy học lịch sử; các biện pháp dạy học tích hợp và phân hóa trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
C.	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			
I.	Khối kiến thức cơ sở của ngành			
	a. Bắt buộc			
21.	Lý luận sử học	Tập trung làm rõ các nội dung như khái niệm về phương pháp luận, phương pháp luận sử học, sử học là một khoa học, những quan điểm và nội dung cơ bản của phương pháp luận sử học Mac-xít: đối tượng sử học, nhiệm vụ sử học, tính Đảng, tính khoa học trong nghiên cứu lịch sử; phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong nghiên cứu lịch sử; một số vấn đề về phương pháp luận Hồ Chí Minh trong nghiên cứu lịch sử, sự ra đời và phát triển của sử học thế giới và sử học Việt Nam.	3	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
22.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của học phần cùng các khái niệm cơ bản của ngành học. Hai phần chính của học phần trình bày về quá trình hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam cũng như các thành tố của nó. Nói cách khác, các kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam đã được xem xét một cách toàn diện trên cả ba mặt thời gian, không gian và cấu trúc.	2	- Điểm quá trình: 40%, trong đó: Điểm chuyên cần và thái độ học tập: hệ số 1; Điểm kiểm tra giữa học phần: hệ số 2 - Điểm thi kết thúc học phần: 60% - Hình thức kiểm tra: tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.
23.	Lịch sử văn minh thế giới	Trình bày các nền văn minh chủ yếu của nhân loại từ thời cổ đại cho đến thời hiện đại, từ phương Đông đến phương Tây, thể hiện sự kế thừa, tiếp nhận của nền văn minh sau đối với nền văn minh trước, nhằm làm cho nền văn minh thế giới không ngừng tiến lên phía trước.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, tham gia tích cực vào buổi học); Phần tự học, tự nghiên cứu (viết bài luận); Bài kiểm tra - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận, trắc nghiệm

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm). -Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
	b. Tự chọn			
24.	Nhân học đại cương	Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành Nhân học như đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, quan hệ giữa Nhân học với các ngành khoa học kế cận. Giới thiệu lược sử sự phát triển Nhân học thế giới và Nhân học Việt Nam. Trên cơ sở trình bày đặc điểm của 54 dân tộc ở nước ta, học phần cung cấp cho SV những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc và quan điểm của Đảng ta về chính sách dân tộc, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử, nhất là trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, giúp SV vận dụng tốt sau khi ra trường.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, tham gia tích cực vào buổi học); Phần tự học, tự nghiên cứu (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ) (viết bài luận); Thảo luận. - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức).

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				- Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
25.	Khảo cổ học đại cương	Cung cấp kiến thức khái quát và có hệ thống về định nghĩa, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, sơ lược sự phát triển khảo cổ học thế giới và khảo cổ học Việt Nam; những vấn đề cơ bản về nguồn gốc loài người. Trên cơ sở đó, trình bày nội dung cụ thể của mỗi một thời đại khảo cổ trên thế giới và ở Việt Nam.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, tham gia tích cực vào buổi học); Phần tự học, tự nghiên cứu (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ) (viết bài luận); Thảo luận. - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức). - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
II.	Khối kiến thức chuyên sâu của ngành			
	<i>a. Bắt buộc</i>			
26.	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Gồm hệ thống những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cổ trung đại như những vấn đề cơ bản của xã hội nguyên thủy; sự hình thành và phát triển của xã hội cổ đại ở phương Đông và phương Tây, rút ra những đặc điểm của hai mô hình đó; quá trình hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á và ở phương Tây thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại Tây Âu.	5	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 3 - 4 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận/ trắc nghiệm/vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức). - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
27.	Lịch sử thế giới cận đại	Giới thiệu những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới cận đại, tập trung vào những vấn đề chính như sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới; những chuyển biến của chủ nghĩa tư bản Âu Mỹ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại, sự phát triển của	5	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp: đi học chuyên cần, SV

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		phong trào công nhân, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học; quá trình xâm chiếm thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á - Phi - Mỹ Latinh.		không được vắng quá 10 tiết lý thuyết, chuẩn bị bài học và bài thảo luận nghiêm túc; Phần tự học, tự nghiên cứu: hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho; Hoạt động theo nhóm; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 04 bài kiểm tra giữa kỳ. - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: bao gồm các hình thức tự luận/ trắc nghiệm/vấn đáp tùy theo từng năm học. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
28.	Lịch sử thế giới hiện đại	Trang bị cho người học những nội dung sau: + 1917-1945: Cuộc cách mạng tháng Mười Nga 1917; Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921-1941); phong trào cách mạng thế giới (1918-1939); các nước tư bản (1919-1939); quan hệ quốc tế và chiến tranh thế giới lần thứ hai. + 1945 đến nửa đầu những năm 70: Gồm quan hệ quốc tế 1945	5	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp, đảm bảo chuyên cần; Phần tự học, tự nghiên cứu;

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		đến nửa đầu những năm 70; Liên Xô Đông Âu từ 1945 đến nửa đầu những năm 70; các nước Á -Phi - Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai; các nước tư bản chủ nghĩa sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70. + Từ nửa sau những năm 70 đến nay: Gồm quan hệ quốc tế từ nửa sau những năm 70 đến nay; Liên Xô và các nước Đông Âu từ nửa sau những năm 70 đến 1991; các nước tư bản chủ nghĩa từ nửa sau những năm 70 đến nay; cách mạng khoa học kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.		Kiểm tra đánh giá từng kỳ: có ít nhất hai bài tập điều kiện giữa kỳ do GV quy định, thực hiện tại lớp; Các kiểm tra khác: GV có thể kiểm tra kiến thức cá nhân thông qua phát vấn trong các buổi seminar. - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc kết hợp các hình thức trên được GV thông báo đến SV theo từng năm học, được quy định vào đầu học kỳ thực hiện học phần. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
29.	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Gồm một chương mở đầu giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam để làm tiền đề trước khi đi vào nghiên cứu tiến trình lịch sử Việt Nam. Nội dung chính của học phần gồm 22 chương, cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản, toàn diện về tiến trình lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, đối	5	- Điểm quá trình: Có trọng số 40% gồm: Tham gia học tập trên lớp; Kiểm tra học trình: bao gồm 2 bài kiểm tra hoặc thảo luận lấy điểm

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		ngoại, kinh tế, xã hội, văn hóa của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam.		theo nhóm. - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức). - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
30.	Lịch sử Việt Nam cận đại	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc từ khi Pháp xâm lược đến Cách mạng tháng Tám 1945: Việt Nam trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp; phong trào kháng chiến chống Pháp cuối thế kỷ XIX; tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX; tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và phong trào dân tộc dân chủ từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến 1929; tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và phong trào cách mạng Việt Nam theo khuynh hướng vô sản từ 1930 đến Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi.	5	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Hoạt động theo nhóm; Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Tự luận kết hợp với trắc nghiệm hoặc thi vấn đáp. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
31.	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Sau cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam tiến hành 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thắng lợi và đang thực hiện công cuộc đổi mới phát triển đất nước.	5	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; - Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức). - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
32.	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại	Gồm chương mở đầu có tính nhập môn giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu. Hai phần chính của học phần trình bày về nghệ thuật quân sự của cha ông trong các cuộc kháng chiến giữ nước ở thời cổ trung đại, từ thời Hùng Vương cho đến triều Nguyễn.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
33.	Thương nghiệp Việt Nam thời trung đại	Trình bày về thương nghiệp Việt Nam dưới chế độ quân chủ từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX, trong đó tập trung phân tích chính sách của các triều đại quân chủ đối với thương nghiệp, hoạt động nội thương và ngoại thương. Trên cơ sở đó rút ra những nhận xét về đặc điểm, đánh giá vai trò của thương nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong lịch sử dân tộc thời trung đại.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
34.	Kinh tế - xã hội Việt Nam thời cận đại và sự	Trình bày về những chuyển biến về kinh tế và xã hội Việt Nam thời cận đại, phân tích các giá trị lịch sử của các biến đổi này đối với	3	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
	chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX	tiến trình lịch sử dân tộc. Mặt khác, dưới tác động của những điều kiện lịch sử thế giới và trong nước, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX đã chuyển biến trên các mặt tư tưởng chính trị, tổ chức lãnh đạo và các hình thức biểu hiện của phong trào, từ phạm trù phong kiến sang phạm trù tư sản đến phạm trù vô sản. Đây là sự chuyển biến có tính quy luật tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.		bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
35.	Phật giáo Việt Nam trong phong trào giải phóng dân tộc (1945-1954)	Trình bày những hoạt động và đóng góp của Phật giáo Việt Nam đối với dân tộc trong cuộc kháng chiến kiến quốc từ năm 1945 đến 1954. Từ đó, tiếp tục khẳng định truyền thống đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam, khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng về công tác tôn giáo.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận.

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				- Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
36.	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975	Giới thiệu vai trò của hậu phương trong chiến tranh nói chung; vai trò của hậu phương kháng chiến chống Pháp 1945-1954, kháng chiến chống Mỹ 1954-1975. Trên cơ sở này rút ra bài học kinh nghiệm về hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
37.	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế trong lịch sử, những quy luật biến đổi của quan hệ giữa các nước trên thế giới chủ yếu từ thời cận đại đến nay. Trên cơ sở nắm vững những kiến thức lịch sử cơ bản của học phần này, SV sẽ nhận thức được nguồn gốc, xu hướng phát triển hết sức phức tạp của mối quan hệ quốc tế, nhất là 30 năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đến những năm gần đây, nhằm nâng cao kiến thức, khả năng vận dụng để nghiên cứu và giảng dạy	3	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Các

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		sau khi ra trường. Mặt khác, qua học phần này, SV sẽ quán triệt chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay, giúp SV tổng hợp những kiến thức lịch sử đã học, phân tích lý giải, so sánh rút ra các kết luận nhận định các vấn đề về lịch sử quan hệ quốc tế đại cương từ đó rèn luyện một số kỹ năng sư phạm, giáo dục cho SV tính tự học, tự tìm tòi, suy nghĩ một cách độc lập về các đề tài nghiên cứu trong quá trình học tập.		kiểm tra: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
38.	Tiếp xúc văn hoá giữa Trung Quốc, Ấn Độ với các nước trong khu vực	Tiếp xúc văn hóa là khái niệm dùng để chỉ sự tiếp xúc trực tiếp và lâu dài giữa hai nền văn hóa khác nhau. Hệ quả của việc làm này là sự thay đổi hoặc biến đổi của một số thành tố văn hóa của một hoặc hai nền văn hóa đó. Trung Quốc, Ấn Độ là những quốc gia có nền văn hóa phát triển rực rỡ và ảnh hưởng sâu đến các quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á trên nhiều phương diện như: chính trị, quân sự, tổ chức nhà nước, luật pháp, văn hóa, tôn giáo,... Ngược lại, văn hóa của các nước nói trên cũng ảnh hưởng trở lại đối với văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ. Điều đó đã góp phần giao thoa, tiếp biến văn hóa và làm phong phú văn hóa lẫn nhau.	4	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá: 3 – 4 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận kết hợp trắc nghiệm) - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
39.	Các cuộc cải cách ở châu Á thời	Trước làn sóng bành trướng và xâm lược của chủ nghĩa thực dân	2	- Điểm quá trình: Có

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
	cận - hiện đại	phương Tây thời cận đại, hàng loạt các quốc gia châu Á đối diện với nguy cơ trở thành thuộc địa và phụ thuộc. Để thoát khỏi thân phận đó, tại một số quốc gia như: Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Iran và Việt Nam đã tiến hành cải cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực khác nhau với mục đích tự cường, bảo vệ chủ quyền quốc gia, từng bước hội nhập vào trào lưu chung của thế giới. Từ việc phân tích nội dung các cuộc cải cách ở các quốc gia này sẽ rút ra những điểm tương đồng và dị biệt trong quá trình thực hiện các bước đi cho phù hợp với điều kiện của mỗi nước. Từ việc tiếp cận như trên, học phần sẽ làm rõ bối cảnh, nội dung, kết quả và ý nghĩa của những cuộc cải cách ở một số quốc gia châu Á tiêu biểu trong thời kỳ cận - hiện đại.		trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
40.	Chủ nghĩa tư bản cận - hiện đại	Trình bày quá trình hình thành và lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản từ thời cận đại thông qua sự thắng lợi của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với quan hệ sản xuất phong kiến (từ giữa thế kỷ XVI đến thập niên 50 - 60 thế kỷ XIX), sự phát triển đưa đến xuất hiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại (từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay). Học phần tập trung phân tích ảnh hưởng của cách mạng khoa học kỹ thuật đối với chủ nghĩa tư bản cận - hiện đại; những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại; các công ty xuyên quốc gia và vai trò của chúng trong nền kinh tế thế giới; vai trò điều tiết của nhà nước tư bản hiện đại; những mâu thuẫn cơ bản và xu hướng vận	3	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		động của chủ nghĩa tư bản trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.		trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
41.	Khoa học xã hội	Tích hợp các kiến thức cơ bản của các lĩnh vực lịch sử, địa lý, một số nội dung kinh tế, xã hội..	3	- <i>Kiểm tra - đánh giá quá trình:</i> Nắm bắt được quá trình học tập của từng học viên, có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận): Có mặt đầy đủ, vắng không quá 20% số tiết lí thuyết; có mặt 100% buổi thảo luận; Phần tự học, tự nghiên cứu (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ; Hoạt động theo nhóm; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 3 lần (1 bài tập/thực hành sau mỗi tín chỉ); Các kiểm

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				tra khác (thái độ và kết quả của điền dã, thực tế...) - <i>Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:</i> Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
42.	Thực tế chuyên môn	Học tập tại các bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành khác ở Việt Nam; những thu hoạch sau chuyến đi thực tế lịch sử.	2	Điểm học phần là điểm bài viết thu hoạch.
	b. Tự chọn 4/26 học phần			
	<i>Kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 học phần)</i>			
43.	Bài học lịch sử nội khóa	Đi sâu tìm hiểu các vấn đề lý luận về hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường phổ thông, tập trung vào bài học lịch sử nội khóa: phân loại bài học lịch sử nội khóa, tìm hiểu các loại bài học lịch sử nội khóa (bài nghiên cứu kiến thức mới; bài ôn tập, sơ kết, tổng kết; bài học tại thực địa, trong nhà bảo tàng lịch sử cách mạng; bài học hỗn hợp). Tìm hiểu cách xây dựng giáo án và cách thức tổ chức dạy học các loại bài học nội khóa lịch sử (bài nghiên cứu kiến thức mới; bài ôn tập, sơ kết, tổng kết; Bài học tại thực địa, trong nhà bảo tàng lịch sử cách mạng; bài học hỗn hợp) theo hướng tích hợp và phân hóa kiến thức, phát huy năng lực nhận thức cho học sinh.	2	- Điểm quá trình: 40 % bao gồm: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài, thảo luận); Kiểm tra học trình: 1 Bài kiểm tra học trình và 1 Bài tập theo nhóm - Thi cuối học kỳ: Thi viết, trọng số 60%. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
44.	Biểu tượng và khái niệm trong	Trang bị cho SV những nội dung như khái niệm về biểu tượng	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
	dạy học lịch sử	lịch sử, khái niệm lịch sử; ý nghĩa của việc tạo biểu tượng và hình thành khái niệm trong dạy học lịch sử; biện pháp tạo biểu tượng và hình thành khái niệm trong dạy học lịch sử.		gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài, thảo luận); Kiểm tra học trình: 1 Bài kiểm tra học trình và 1 Bài tập theo nhóm - Thi cuối học kỳ: Thi viết, trọng số 60%. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
45.	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học	Giúp cho SV có nhận thức đúng về vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử, biết cách thiết kế bài giảng điện tử, các loại đồ dùng trực quan quy ước; khai thác các tài liệu trên Internet cũng như sử dụng một số phần mềm thông dụng trong dạy học lịch sử.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Chuyên cần, làm bài tập đầy đủ; Kiểm tra giữa kỳ: 2 bài thực hành - Thi cuối học kỳ: Thi tự luận, trọng số 60%. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
46.	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng	Cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương, từ việc sưu tầm tư liệu cho đến cách thức vận	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
	dạy lịch sử địa phương	dụng, khai thác vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương; những cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.		bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra học phần. - Thi cuối học kỳ: Có trọng số 60%. Hình thức thi tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
	<i>Lịch sử Việt Nam (Chọn 1 trong 8 học phần)</i>			
47.	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	Gồm có 3 chương, trình bày khái luận về cải cách, đổi mới, cách mạng... và cách tiếp cận. Trọng tâm học phần trình bày về hoàn cảnh lịch sử và nội dung các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại (khoảng 10 cuộc cải cách và tư tưởng cải cách). Từ đó đưa ra một số nhận xét và nêu những vấn đề đặt ra cho công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.	2	- Điểm quá trình: 40% gồm: Tham gia học tập trên lớp: Chuyên cần, phần tự học, tự nghiên cứu (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ; Kiểm tra học trình: bao gồm 2 bài kiểm tra hoặc thảo luận lấy điểm theo nhóm. - Thi cuối học kỳ: Có trọng số 60%. Hình thức

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				thi tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
48.	Lịch sử ngoại giao Việt Nam thời trung đại	Khẳng định hoạt động ngoại giao là một bộ phận quan trọng trong đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam; Nội dung trọng tâm của học phần trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và phương thức ngoại giao qua các giai đoạn lịch sử Việt Nam thời trung đại để nhận rõ thiện chí, tài trí và bản lĩnh của tổ tiên ta cùng giá trị lịch sử của các hoạt động này; một số bài học kinh nghiệm được rút ra có thể vận dụng trong hiện tại.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra học phần: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Có trọng số 60%. Hình thức thi tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
49.	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam thời cổ trung đại	Gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn giới thiệu về đối tượng, vị trí và phương pháp nghiên cứu của bộ môn. Sáu chương tiếp theo lần lượt trình bày một cách có hệ thống về các loại hình nghệ thuật từ âm nhạc, sân khấu cho đến kiến trúc, điêu khắc, hội họa và gốm sứ ở Việt Nam từ cổ truyền cho đến hiện đại.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				kỳ - Thi cuối học kỳ: Có trọng số 60%. Hình thức thi tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
50.	Một số vấn đề lịch sử triều Nguyễn nửa sau thế kỷ XIX	Làm rõ bối cảnh lịch sử quốc tế và trong nước khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trước việc để mất nước, triều Nguyễn với trào lưu canh tân đất nước, đánh giá các vị vua triều Nguyễn từ Tự Đức đến Thành Thái.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận; Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra học phần: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Có trọng số 60%. Hình thức thi tự luận.
51.	Giai cấp công nhân trong tiến trình lịch sử Việt Nam thời cận đại	Tình hình nghiên cứu về giai cấp công nhân Việt Nam, sự hình thành giai cấp công nhân Việt Nam, đời sống của giai cấp công nhân Việt Nam, vai trò của giai cấp công nhân trong thời cận đại.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra học phần: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
52.	Phong trào đô thị Huế 1954-1975	Đi sâu nghiên cứu phong trào đô thị Huế trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), trong đó tập trung vào nguyên nhân, diễn biến, tính chất, đặc điểm và ý nghĩa của phong trào.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
53.	Kinh tế Việt Nam thời hiện đại	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của nền	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		kinh tế Việt Nam trong thời kì 1954-1975 với 2 hướng khác nhau, đó là nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở miền Nam và đặc biệt là thành tựu của công cuộc đổi mới. Qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.		gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ); Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức).
54.	Tiếp xúc và giao thoa văn hoá trong lịch sử Việt Nam	Gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu cùng các khái niệm cơ bản liên quan. Ba phần chính của học phần trình bày về hoàn cảnh giao lưu văn hóa cùng với những đặc điểm và thành tựu trong giao lưu văn hóa giữa Việt Nam với thế giới Đông Bắc Á, thế giới Tây Nam Á và thế giới phương Tây. Cho dù giao lưu tự nguyện hay cưỡng bức thì cuối cùng người Việt Nam cũng đã chắt lọc ra được những gì cần thiết để bổ sung cho nền văn hóa mang tính bản địa của dân tộc Việt Nam	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra học phần: 2 bài

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		nhằm góp phần làm phong phú và từng bước hiện đại hóa nền văn hóa dân tộc cho phù hợp với những điều kiện lịch sử mới của thời đại.		- Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
	<i>Lịch sử thế giới (Chọn 1 trong 10 học phần)</i>			
55.	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới thời cổ trung đại	Gồm những vấn đề cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật, như: khái niệm nhà nước và pháp luật, nguồn gốc, bản chất của nhà nước và pháp luật, các hình thức nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa... Nắm vững các loại hình nhà phương Đông và phương Tây cổ đại cũng như nhà nước phong kiến ở phương Đông và phương Tây. Trên cơ sở những hiểu biết đó, người học vận dụng vào trong hoạt động thực tiễn theo quan điểm của duy vật lịch sử để giải quyết những vấn đề về nhà nước và pháp luật trong đời sống, xã hội hiện nay.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phân tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
56.	Lịch sử tôn giáo thế giới	Gồm những vấn đề cơ bản về lý luận tôn giáo như: thuật ngữ tôn giáo, các quan niệm về tôn giáo của các học giả trong một số ngành	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		khoa học xã hội, nguồn gốc, chức năng, vai trò, tính chất, kết cấu của tôn giáo; quan niệm về đạo đức, tín ngưỡng, các hình thức tôn giáo thời nguyên thủy cũng như sự hình thành, phát triển, giáo lý, giáo luật của ba tôn giáo lớn trên thế giới là Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. Trên cơ sở những hiểu biết đó, người học vận dụng vào trong hoạt động thực tiễn theo quan điểm của duy vật lịch sử để giải quyết những vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo của xã hội.		gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
57.	Quan hệ giữa phương Tây - Đông Nam Á thế kỷ XVI- XIX	Đề cập đến bối cảnh lịch sử của các nước Tây Âu cũng như các quốc gia Đông Nam Á dẫn đến mối quan hệ giữa phương Tây với các nước Đông Nam Á trong từng giai đoạn khác nhau từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, như là nguyên nhân của mối quan hệ này; nội dung của mối quan hệ chủ yếu trên lĩnh vực chính trị - quân sự, kinh tế và văn hóa trên cơ sở trình bày một số nước phương Tây với các quốc gia Đông Nam Á; hệ quả của mối quan hệ đối với các nước phương Tây và đối với các quốc gia Đông Nam Á.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
58.	Cách mạng tư sản thời cận đại	Khái quát về sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản; đi sâu tìm hiểu một số vấn đề như tiền đề tình thế cách mạng, giai cấp lãnh đạo, động lực, nhiệm vụ, thành quả và hạn chế...	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
59.	Phong trào giải phóng dân tộc và công nhân quốc tế thời cận đại	Khái quát quá trình xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây đối với các nước Á, Phi, Mỹ Latinh. Những cuộc đấu tranh chống xâm lược lớn của nhân dân các nước, trên cơ sở đó rút những đặc điểm của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước. Thông qua việc nghiên cứu phong trào công nhân thời kỳ khởi đầu là tiền đề đi sâu phân tích sự phát triển sau này của giai cấp công nhân. Thấy được vai	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		trò của Mác và Ăngghen đối với sự chuyển biến của phong trào công nhân từ tự phát đến tự giác. Cuộc đấu tranh chống các trào lưu phi Mác xít trong Quốc tế I. Phong trào cộng sản công nhân quốc tế thời kỳ thứ I bùng nổ mạnh mẽ mà đỉnh cao của nó là công xã Pari – Nhà nước vô sản sơ khai đầu tiên của giai cấp công nhân Pháp được thành lập do sáng tạo của quần chúng nhân dân. Sau Công xã Pari, phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế II. Đảng Bôn sê vich Nga do Lênin sáng lập đã thực hiện chiến lược cách mạng đúng đắn “biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”, giành thắng lợi trong cách mạng tháng 10 Nga, thiết lập nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới.		tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
60.	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	Đề cập đến hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực, sự hình thành chủ nghĩa xã hội ở một số nước trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc cho đến sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Học phần trình bày về những thành tựu và sai lầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng như nguyên nhân sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu. Từ đó, rút ra những kinh nghiệm, bài học lịch sử và triển vọng về xã hội chủ nghĩa trong tương lai.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
61.	Cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	Thông qua việc trình bày về hoàn cảnh ra đời của công cuộc cải cách kinh tế, xã hội Trung Quốc, học phần đã luận giải cơ sở xuất hiện lý luận cải cách của các nhà lý luận Trung Quốc trong đó quan trọng nhất là của Đặng Tiểu Bình trên cơ sở kế thừa những tư tưởng của các nhà lý luận nổi tiếng thế giới; những nội dung quan trọng nhất của cuộc cải cách theo trình tự thời gian, mặt khác cũng tập trung phân tích những yếu tố cơ bản trong một số lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, đối ngoại, kinh tế thị trường, phát triển kinh tế xã hội. Nêu rõ những thành tựu to lớn mà nhân dân Trung Quốc đã đạt được trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội của đất nước thời gian qua, đồng thời cho thấy những tồn tại và những yếu điểm cần khắc phục, luận giải một số điểm tương đồng và khác biệt trong cải cách kinh tế Trung Quốc và đổi mới Việt Nam, đặc biệt là nêu những điểm tương đồng; phân tích, rút ra một số bài học kinh nghiệm quý giá từ việc nghiên cứu cải cách kinh tế xã hội Trung Quốc giai đoạn này.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
62.	Quan hệ quốc tế thời hiện đại	Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa ngày nay, việc nghiên cứu, học tập về quan hệ quốc tế để nhận thức về thế giới, nắm bắt cơ hội và hạn chế những thách thức có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc. Theo tinh thần đó, học phần này sẽ tập trung trình bày và phân tích mối quan hệ giữa các quốc gia và các vấn đề có tính toàn cầu như: hợp tác kinh tế, thương mại, quan hệ song phương và đa phương, bảo vệ môi trường, bệnh dịch... hợp tác chống khủng bố quốc tế, tội phạm	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu;

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		quốc tế...		Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
63.	Việt Nam – ASEAN	Đáp ứng xu thế hội nhập khu vực và thế giới, học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á từ năm 1967 đến nay. Học phần dành một khối lượng lớn kiến thức để trình bày và phân tích mối quan hệ Việt Nam – ASEAN qua các thời kỳ: 1967-1978; 1978-1991; 1991-1995, nhất là từ khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Asean (1995) đến nay. Học phần cũng tập trung giới thiệu về tiến trình xây dựng cộng đồng Asean và những đóng góp cũng như vị thế của Việt Nam trong tiến trình này.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
64.	Ngoại ngữ chuyên ngành	Trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng về nghe, nói, đọc,	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
		viết đề ứng dụng khả năng ngoại ngữ vào lĩnh vực nghiên cứu, dạy học lịch sử.		gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ (2 bài) - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
	<i>Kiến thức tích hợp (Chọn 1 trong 4 học phần)</i>			
65.	Một số vấn đề về biển đảo trong lịch sử Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của biển đảo trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc; quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông thời phong kiến; cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên biển Đông trong thế kỷ XX và những thập niên đầu thế kỷ XXI.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra học phần: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Có trọng số 60%. Hình thức thi tự luận.

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				- Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
66.	Địa danh lịch sử thế giới	Địa danh lịch sử thế giới là một chuyên đề tích hợp những kiến thức bổ ích về địa lý, lịch sử, văn hóa trong lịch sử thế giới, không chỉ cung cấp tên những địa danh nước ngoài (foreign geographical names), danh pháp (geographical nomenclature) của chúng mà còn bao gồm những thông tin về tinh thần, văn hoá, xã hội, lịch sử, ngôn ngữ và chính trị gắn liền với sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử quan trọng. Trên cơ sở cung cấp những kiến thức căn bản về khái niệm, phân loại địa danh lịch sử, học phần này sẽ giới thiệu cho SV những địa danh lịch sử tiêu biểu trong Lịch sử thế giới từ thời cổ đại đến hiện đại. Qua đó, học phần này sẽ góp phần hoàn thiện những kiến thức quan trọng về địa lý, lịch sử, văn hóa cho SV sau khi học các học phần thuộc khóa trình Lịch sử thế giới.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp: đi học chuyên cần, SV không được vắng quá 05 tiết lý thuyết, chuẩn bị bài học và bài thảo luận nghiêm túc; Phần tự học, tự nghiên cứu: hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho; oạt động theo nhóm: giảng viên chia thành nhiều nhóm và giao vấn đề thảo luận; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 02 bài kiểm tra điều kiện giữa kỳ. - Thi cuối học kỳ: Điểm

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: bao gồm các hình thức tự luận/ trắc nghiệm/vấn đáp tùy theo từng năm học. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
67.	Lịch sử đô thị Đông Nam Á	Đô thị ở các quốc gia Đông Nam Á hình thành từ rất sớm (khoảng thế kỷ I, II CN) và phát triển liên tục cho đến ngày nay. Ngay từ đầu, các đô thị Đông Nam Á không những đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế-thương mại, văn hóa, giáo dục, tôn giáo... của các quốc gia mà còn là những trung tâm “thu hút” và “lan tỏa” văn minh của khu vực và thế giới. Học phần này nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng vào Cộng đồng ASEAN, phát triển kiến thức liên ngành của SV, vươn tới hình thành ngành Đô thị học Đông Nam Á.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi (tự luận kết hợp trắc nghiệm) - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
68.	Địa danh lịch sử Việt Nam	Đây là học phần tích hợp các kiến thức về địa lý, lịch sử và văn hoá Việt Nam nhằm trang bị kiến thức cho SV có thể dạy học các môn học thuộc Khoa học xã hội. Học phần trình bày khái niệm địa danh học, địa danh lịch sử, các địa danh lịch sử tiêu biểu trong tiến trình lịch sử Việt Nam trên các phương diện địa lý, lịch sử và văn hoá.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phân tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
D.	KHÓA LUẬN HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ		5 TC	Thực hiện theo quy định của Nhà trường về Khóa luận, ngày....
69.	Khóa luận	Thực hiện theo quy định của trường về việc làm Khóa luận	5	
	Các học phần thay thế (dành cho những SV không làm Khóa luận)			
70.	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930-1975)	Đề cập đến vai trò của mặt trận trong cách mạng Việt Nam nói chung. Trên cơ sở này, học phần đề cập đến mặt trận dân tộc thống nhất qua các thời kỳ lịch sử 1930-1945, 1945-1954, 1954-1975. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm về mặt trận trong cách mạng Việt Nam.	3	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như: Tham gia học tập trên lớp (chuyên

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra học phần: 2 bài. - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
71.	Một số vấn đề lịch sử về khu vực Mĩ La tinh (1500-2012)	Cung cấp những kiến thức chung nhất về tộc người, về các nền văn minh của người Inca, Maia, Aztéc..., về quá trình xâm lược, thống trị Mỹ Latinh của các thế lực thực dân, đế quốc từ cuối thế kỷ XV và về cuộc đấu tranh giành độc lập và chủ quyền dân tộc của các nước Mỹ Latinh. Thực trạng tình hình kinh tế, chính trị - xã hội, chính sách đối ngoại và công cuộc xây dựng và phát triển của các nước ở khu vực này trong thời kỳ hiện nay. Từ đó nâng cao hiểu biết, mở mang kiến thức mới cho SV về khu vực này để có cái nhìn toàn diện về lịch sử các châu lục và có những định hướng nghiên cứu trong quá trình học tập, giảng dạy sau khi ra trường.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra học phần: 2 bài. - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số).
72.	Sử dụng đồ dùng	Gồm ba chương đề cập đến các nội dung như ý nghĩa việc sử	2	- Điểm quá trình: Có

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
	trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử	dùng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử; nội dung việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử.		trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài, thảo luận); Kiểm tra học trình: 1 Bài kiểm tra học trình và 1 Bài tập theo tổ - Thi cuối học kỳ: Thi tự luận, trọng số 60%. - Thang điểm cho từng mục: thang điểm 10 (số lẻ 1 con số)
73.	Sử dụng tài liệu theo hướng phát triển năng lực nhận thức học sinh trong dạy học lịch sử	Đề cập đến các nội dung như cơ sở lý luận của tài liệu và việc sử dụng tài liệu theo hướng phát triển năng lực nhận thức học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; hệ thống tài liệu để phát triển năng lực nhận thức học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; các hình thức và biện pháp sử dụng tài liệu theo hướng phát triển năng lực nhận thức học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.	2	- Điểm quá trình: Có trọng số là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: Tham gia học tập trên lớp (chuyên cần, chuẩn bị bài và thảo luận); Phần tự học, tự nghiên cứu; Kiểm tra đánh giá từng kỳ: 2 bài - Thi cuối học kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức

TT	Học phần	Mô tả văn tắt nội dung học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá
				thi: tự luận.

5. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
A.	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		21								
1.	POL91112	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2							
2.	POL91123	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3						
3.	POL91202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					
4.	POL91303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3				
5.	INF91402	Tin học	2	2							
6.	LAN91513	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Anh A1)	3	3							
7.	LAN91522	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh A2)	2		2						
8.	LAN91532	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh B1)	2			2					
9.	HIS91602	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			2					
10.	PHY91715	Giáo dục thể chất	5								
11.	DEF91810	Giáo dục quốc phòng	165t								
B.	KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM		34								
I.	Kiến thức cơ sở chung		14								
12.	PSY92112	Tâm lý học 1	2	2							
13.	PSY92122	Tâm lý học 2	2		2						
14.	PSY92132	Giáo dục học 1	2	2							
15.	PSY92142	Giáo dục học 2	2			2					
16.	HIS92152	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	2				2				
17.	HIS94012	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	2					2			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
18.	HIS921922	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2						2		
II.	Thực hành sư phạm		12								
19.	HIS02313	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	3			3					
20.	HIS02323	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2						2		
21.	HIS02332	Kiến tập sư phạm	2					2			
22.	HIS02313	Thực tập sư phạm	5								5
III.	Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành		8								
23.	HIS02313	Lý luận dạy học lịch sử	3				3				
24.	HIS02323	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử	3				3				
25.	HIS02332	Tích hợp và phân hóa trong dạy học lịch sử	2							2	
C.	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		75								
I.	Khối kiến thức cơ sở của ngành		9								
	a. Bắt buộc		7								
26.	HIS03113	Lý luận sử học	3	3							
27.	PHI73312	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2		2						
28.	HIS03622	Lịch sử văn minh thế giới	2					2			
	b. Tự chọn (chọn 1/2 học phần)		2/4								
29.	HIS83612	Nhân học đại cương	2				2				
30.	HIS83622	Khảo cổ học đại cương	2				2				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
II.	Khối kiến thức chuyên sâu của ngành		66								
	a. Bắt buộc		58								
31.	HIS04615	Lịch sử thế giới cổ trung đại	5	5							
32.	HIS04625	Lịch sử thế giới cận đại	5		5						
33.	HIS04635	Lịch sử thế giới hiện đại	5			5					
34.	HIS04315	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	5		5						
35.	HIS04325	Lịch sử Việt Nam cận đại	5			5					
36.	HIS04335	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5				5				
37.	HIS04342	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại	2					2			
38.	HIS04352	Thương nghiệp Việt Nam thời trung đại	2					2			
39.	HIS04363	Kinh tế - xã hội Việt Nam thời cận đại và sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX	3						3		
40.	HIS04372	Phật giáo Việt Nam trong phong trào giải phóng dân tộc (1945-1954)	2							2	
41.	HIS04382	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)	2							2	
42.	HIS04643	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	3					3			
43.	HIS04654	Tiếp xúc văn hoá giữa Trung Quốc, Ấn Độ với các nước trong khu vực	4					4			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
44.	HIS04662	Các cuộc cải cách ở Châu Á thời cận - hiện đại	2						2		
45.	HIS04673	Chủ nghĩa tư bản cận - hiện đại	3							3	
46.	HIS94113	Khoa học xã hội	3						3		
47.	HIS04392	Thực tế chuyên môn	2						2		
	b. Tự chọn (chọn 4/ 26 học phần)		8/52								
	<i>Kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 học phần)</i>										
48.	HIS84112	Bài học lịch sử nội khóa	2						2		
49.	HIS84122	Biểu tượng và khái niệm trong dạy học lịch sử	2						2		
50.	HIS84132	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học	2						2		
51.	HIS84142	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	2						2		
	<i>Lịch sử Việt Nam (Chọn 1 trong 8 học phần)</i>										
52.	HIS84312	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	2							2	
53.	HIS84322	Lịch sử ngoại giao Việt Nam thời trung đại	2							2	
54.	HIS84332	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam thời cổ trung đại	2							2	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
55.	HIS84412	Một số vấn đề lịch sử triều Nguyễn nửa sau thế kỷ XIX	2							2	
56.	HIS84342	Giai cấp công nhân trong tiến trình lịch sử Việt Nam thời cận đại	2							2	
57.	HIS84422	Phong trào đô thị Huế 1954-1975	2							2	
58.	HIS84432	Kinh tế Việt Nam thời hiện đại	2							2	
59.	HIS84352	Tiếp xúc và giao thoa văn hoá trong lịch sử Việt Nam	2							2	
	<i>Lịch sử thế giới (Chọn 1 trong 10 học phần)</i>										
60.	HIS84612	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới thời cổ trung đại	2							2	
61.	HIS84622	Lịch sử tôn giáo thế giới	2							2	
62.	HIS84712	Quan hệ giữa phương Tây - Đông Nam Á thế kỷ XVI- XIX	2							2	
63.	HIS84722	Cách mạng tư sản thời cận đại	2							2	
64.	HIS84732	Phong trào giải phóng dân tộc và công nhân quốc tế thời cận đại	2							2	
65.	HIS84742	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	2							2	
66.	HIS84752	Cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	2							2	
67.	HIS84762	Quan hệ quốc tế thời hiện đại	2							2	
68.	HIS84772	Việt Nam – ASEAN	2							2	
69.	HIS84032	Ngoại ngữ chuyên ngành	2							2	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Kiến thức tích hợp (Chọn 1 trong 4 học phần)										
70.	HIS84542	Một số vấn đề về biển đảo trong lịch sử Việt Nam	2							2	
71.	HIS84512	Địa danh lịch sử thế giới	2							2	
72.	HIS84532	Lịch sử đô thị Đông Nam Á	2							2	
73.	HIS84522	Địa danh lịch sử Việt Nam	2							2	
D.	KHÓA LUẬN HOẶC CÁC HP THAY THẾ		5								
74.	HUC84905	Khóa luận	5								5
	Các học phần thay thế (dành cho những SV không làm Khóa luận)										
75.	HUC84913	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930-1975)	3								3
76.	HUC84923	Một số vấn đề lịch sử về khu vực Mĩ La tinh (1500-2012)	3								3
77.	HUC84932	Sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử	2								2
78.	HUC84942	Sử dụng tài liệu theo hướng phát triển năng lực nhận thức học sinh trong dạy học lịch sử	2								2
	TỔNG SỐ TC TOÀN KHÓA		135	19	21	19	18	17	16	15	10

6. Ma trận mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		Kiến thức							Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
A	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG															
1.	Những NLCB của CNML 1															
2.	Những NLCB của CNML 2															
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh															
4.	Đường lối CM của ĐCSVN															
5.	Tin học											0				
6.	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Anh A1)															
7.	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh A2)															
8.	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh B1)															
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học															
10.	Giáo dục thể chất															
11.	Giáo dục quốc phòng															
B	KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM															
I.	Kiến thức cơ sở chung															
12.	Tâm lý học 1															
13.	Tâm lý học 2															
14.	Giáo dục học 1															
15.	Giáo dục học 2															
16.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp															
17.	Phát triển chương trình DH bộ môn															

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		Kiến thức							Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
18.	Đánh giá kết quả giáo dục của HS															
II.	Thực hành sư phạm															
19.	Rèn luyện NVSP thường xuyên															
20.	Thực hành dạy học Hóa học tại trường SP															
21.	Kiến tập sư phạm															
22.	Thực tập sư phạm															
III.	Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành															
23.	Lý luận dạy học lịch sử															
24.	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử															
25.	Tích hợp và phân hóa trong dạy học lịch sử															
C.	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH															
I.	Khối kiến thức cơ sở của ngành															
	a. Bắt buộc															
26.	Lý luận sử học															
27.	Cơ sở văn hoá Việt Nam															
28.	Lịch sử văn minh thế giới															
	b. Tự chọn															
29.	Nhân học đại cương															

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		Kiến thức							Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
30.	Khảo cổ học đại cương															
II.	Khối kiến thức chuyên sâu của ngành															
	a. Bắt buộc															
31.	Lịch sử thế giới cổ trung đại	1	2	3	0	3	1	0	0	1	1	1	1	2	0	0
32.	Lịch sử thế giới cận đại	2	0	3	3	3	0	2	0	1	3	0	3	2	2	1
33.	Lịch sử thế giới hiện đại	0	0	2	3	3	1	2	1	1	3	2	2	2	2	3
34.	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại															
35.	Lịch sử Việt Nam cận đại															
36.	Lịch sử Việt Nam hiện đại															
37.	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại															
38.	Thương nghiệp Việt Nam thời trung đại															
39.	Kinh tế - xã hội Việt Nam thời cận đại và sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX															
40.	Phật giáo Việt Nam trong phong trào giải phóng dân tộc (1945-1954)															
41.	Hậu phương trong chiến tranh															

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		Kiến thức							Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
	cách mạng Việt Nam (1945-1975)															
42.	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	0	0	2	3	3	1	2	1	1	3	2	2	2	2	3
43.	Tiếp xúc văn hoá giữa Trung Quốc, Ấn Độ với các nước trong khu vực	1	2	3	0	3	1	0	0	1	1	1	1	2	0	0
44.	Các cuộc cải cách ở Châu Á thời cận - hiện đại	2	0	0	0	3	0	0	0	0	2	0	0	2	1	2
45.	Chủ nghĩa tư bản cận - hiện đại	0	0	0	0	3	0	1	0	0	1	1	1	1	1	2
46.	Khoa học xã hội															
47.	Thực tế chuyên môn															
	b. Tự chọn 4/26 học phần															
	<i>Kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành (Chọn 1 trong 4 học phần)</i>															
48.	Bài học lịch sử nội khóa															
49.	Biểu tượng và khái niệm trong dạy học lịch sử															
50.	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học															
51.	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương															

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		Kiến thức							Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
	<i>Lịch sử Việt Nam (Chọn 1 trong 8 học phần)</i>															
52.	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại															
53.	Lịch sử ngoại giao Việt Nam thời trung đại															
54.	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam thời cổ trung đại															
55.	Một số vấn đề lịch sử triều Nguyễn nửa sau thế kỷ XIX															
56.	Giai cấp công nhân trong tiến trình lịch sử Việt Nam thời cận đại															
57.	Phong trào đô thị Huế 1954-1975															
58.	Kinh tế Việt Nam thời hiện đại															
59.	Tiếp xúc và giao thoa văn hoá trong lịch sử Việt Nam															
	<i>Lịch sử thế giới (Chọn 1 trong 10 học phần)</i>															
60.	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới thời cổ trung đại	2	0	0	0	3	1	1	1	2	2	0	0	0	3	1
61.	Lịch sử tôn giáo thế giới	1	2	1	0	3	1	0	0	1	1	1	1	2	0	0

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		Kiến thức							Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
62.	Quan hệ giữa phương Tây - Đông Nam Á thế kỷ XVI- XIX	1	2	3	0	3	1	0	0	1	1	1	1	2	0	0
63.	Cách mạng tư sản thời cận đại	2	0	0	0	3	2	0	0	0	2	0	0	2	1	2
64.	Phong trào giải phóng dân tộc và công nhân quốc tế thời cận đại	0	0	2	1	3	2	2	1	1	2	1	2	2	1	2
65.	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	3	0	0	0	3	0	1	0	0	1	1	1	1	1	2
66.	Cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	1	0	1	2	3	2	1	1	2	3	2	3	2	2	3
67.	Quan hệ quốc tế thời hiện đại	0	0	0	0	3	0	1	0	0	1	1	1	1	1	2
68.	Việt Nam – ASEAN	1	0	0	1	2	0	1	0	0	1	2	2	2	2	2
69.	Ngoại ngữ chuyên ngành	0	0	3	1	2	1	0	0	1	1	1	1	2	0	0
	<i>Kiến thức tích hợp (Chọn 1 trong 4 học phần)</i>															
70.	Một số vấn đề về biển đảo trong lịch sử Việt Nam															
71.	Địa danh lịch sử thế giới	0	0	2	3	3	2	2	1	1	3	2	2	2	2	2
72.	Lịch sử đô thị Đông Nam Á	0	0	1	1	3	1	0	0	1	1	1	1	2	0	0
73.	Địa danh lịch sử Việt Nam															
D.	KHÓA LUẬN HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ															
74.	Khóa luận															

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		Kiến thức							Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
	Các học phần thay thế khoá luận															
75.	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930-1975)															
76.	Một số vấn đề lịch sử về khu vực Mĩ La tinh (1500-2012)	2	0	0	0	3	2	1	1	0	2	0	1	2	1	2
77.	Sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử															
78.	Sử dụng tài liệu theo hướng phát triển năng lực nhận thức học sinh trong dạy học lịch sử															

(0: Không đóng góp; 1: Đóng góp mức thấp; 2: Đóng góp mức trung bình; 3: Đóng góp mức cao)

HIỆU TRƯỞNG

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ

